

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: II - Năm học: 2023 - 2024

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Lớp CCQ2312C ;D

Số tín chỉ: 05

CBGD: Nguyễn Thanh Hà

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	BP.5	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2123120199	Hồ Tuyết	Anh	26/03/2005	CCQ2312D	7.3	7.2	7.0	6.0	6.5	6.6	
2	2123120110	Phạm Thị Kim	Chi	16/07/2005	CCQ2312C	7.0	7.2	7.5	5.7	9.0	7.3	
3	2122200222	Trần Hà Khánh	Chi	17/02/2004	CCQ2220G	7.0	6.8	7.0	8.4	9.0	7.9	
4	2123120163	Trần Hữu	Đức	28/06/2005	CCQ2312C	7.3	7.4	7.5	7.7	8.0	7.7	
5	2123120209	Lê Hoàng	Dương	07/03/2005	CCQ2312D	6.0	6.0	7.5	7.0	9.0	7.4	
6	2123120525	Trần Ngọc	Đương	10/07/2005	CCQ2312C	6.0	7.0	7.5	9.3	7.0	7.6	
7	2123120124	Trương Thị	Duy	25/09/2005	CCQ2312C	7.0	7.0	7.0	9.0	9.0	8.1	
8	2123120168	Đặng Thị Thu	Hà	10/11/2005	CCQ2312C	8.0	7.8	7.5	8.0	9.0	8.2	
9	2123120141	Đào Thị Ngọc	Hà	27/12/2005	CCQ2312C	9.0	6.4	7.5	8.7	9.0	8.3	
10	2123120126	Nguyễn Kiều	Hân	28/07/2000	CCQ2312C	6.0	6.6	7.5	8.3	10.0	8.1	
11	2123120129	Trần Phạm Gia	Hân	06/10/2005	CCQ2312C	7.3	6.0	8.0	9.3	8.0	8.0	
12	2123120206	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh	25/05/2005	CCQ2312D	7.3	7.2	7.5	8.3	9.0	8.1	
13	2123120170	Phạm Trí	Hào	16/10/2005	CCQ2312C	7.0	6.4	9.0	9.0	10.0	8.6	
14	2123120213	Phan Thị Thúy	Hậu	20/07/2005	CCQ2312D	6.0	6.8	7.0	5.3	9.0	6.9	
15	2123120193	Bùi Thị	Hồng	21/02/2005	CCQ2312D	7.7	5.0	7.0	8.3	6.5	7.0	
16	2123120503	Trương Ngọc	Hùng	22/07/2004	CCQ2312D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
17	2123120120	Lê Chí	Khan	10/11/2005	CCQ2312C	6.0	6.0	7.0	6.0	10.0	7.3	
18	2123120148	Nguyễn Ngọc Đoan	Khanh	29/06/2005	CCQ2312C	8.0	6.4	7.5	8.0	9.0	8.0	
19	2123120133	Nguyễn Ngọc	Khánh	09/11/2005	CCQ2312C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
20	2123120552	Nguyễn Trọng	Khoa	11/10/2004	CCQ2312D	6.0	5.8	7.5	7.0	7.0	6.8	
21	2123120204	Dương Bội	Linh	18/09/2005	CCQ2312D	8.0	7.8	7.5	9.0	9.0	8.5	
22	2121100149	Hồ Thị Phương	Linh	23/09/2002	CCQ2110E	8.4	7.2	7.0	5.7	9.0	7.4	
23	2123120188	Nguyễn Quốc	Linh	21/10/2001	CCQ2312D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
24	2123120162	Trương Thục	Linh	20/09/2005	CCQ2312C	7.3	7.8	7.5	5.7	9.0	7.4	
25	2123120685	Đặng Thị	Lợi	26/06/2004	CCQ2312D	8.4	7.0	7.0	5.0	9.0	7.2	

26	2123120138	Đỗ Tấn	Lượng	04/07/2005	CCQ2312C	6.3	6.0	7.5	9.7	10.0	8.5	
27	2121240153	Bùi Nhật Mai	Ly	09/05/2003	CCQ2124F	6.3	6.8	7.5	9.3	9.0	8.2	
28	2123120123	Mai Quang	Minh	14/06/2005	CCQ2312C	7.0	5.0	7.0	7.0	10.0	7.6	
29	2123120105	Nguyễn Khánh	My	18/08/2005	CCQ2312C	6.7	7.4	7.5	9.0	9.0	8.2	
30	2123120113	Trần Thị Diệu	My	23/02/2005	CCQ2312C	7.3	7.4	7.5	9.3	9.0	8.4	
31	2123120180	Trần Thu	Ngân	13/08/2004	CCQ2312D	6.0	5.2	7.0	8.3	9.0	7.5	
32	2123120116	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	20/04/2005	CCQ2312C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
33	2123120172	Phạm Thị Kim	Ngọc	19/07/2005	CCQ2312C	8.0	5.4	7.5	8.0	9.0	7.8	
34	2123120178	Lê Trí	Nguyên	27/01/2004	CCQ2312D	6.7	7.8	7.0	8.0	6.5	7.2	
35	2123120504	Phạm Hoài	Nhân	02/02/2005	CCQ2312D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
36	2123120215	Bùi Hoàng Yến	Nhi	31/10/2005	CCQ2312D	6.7	7.2	7.0	8.0	6.5	7.1	
37	2123120198	Chu Thị Yến	Nhi	08/03/2005	CCQ2312D	6.3	5.0	7.0	8.0	6.5	6.8	
38	2123120156	Phạm Thị Yến	Nhi	10/01/2005	CCQ2312C	8.7	6.4	7.0	8.7	9.0	8.2	
39	2123120104	Nguyễn Huỳnh	Như	24/10/2005	CCQ2312C	8.0	6.2	8.0	9.7	10.0	8.8	
40	2122200237	Trần Thị Hồng	Nhung	24/04/2004	CCQ2220G	8.0	7.0	7.0	8.0	9.0	8.0	
41	2121100174	Lê Thị Kim	Oanh	03/02/2002	CCQ2110E	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
42	2123120108	Nguyễn Thị Kim	Oanh	26/01/2001	CCQ2312C	8.0	7.6	7.5	7.7	9.0	8.1	
43	2123120208	Huỳnh Văn	Phát	19/01/2005	CCQ2312D	7.3	6.0	7.5	9.0	7.0	7.5	
44	2123120151	Vũ Văn	Phát	28/09/2005	CCQ2312C	7.3	5.4	7.0	7.3	10.0	7.8	
45	2123120155	Nguyễn Hoàng	Phúc	07/10/2005	CCQ2312C	7.7	7.4	7.0	8.3	9.0	8.1	
46	2123120195	Phạm Hoàng	Phúc	22/01/2005	CCQ2312D	8.4	7.0	7.0	9.3	9.0	8.4	
47	2123120181	Phan Nguyễn Hoài	Phương	01/08/2005	CCQ2312D	8.0	6.0	8.0	8.3	8.0	7.8	
48	2123120201	Nguyễn Thị Kim	Phượng	19/04/2005	CCQ2312D	7.0	6.2	7.0	7.3	9.0	7.5	
49	2123120220	Vũ Thị Ngọc	Quế	09/03/2002	CCQ2312D	7.7	5.8	7.5	5.3	7.0	6.5	
50	2123120218	Nguyễn Thu	Quỳnh	25/09/2005	CCQ2312D	6.7	5.0	7.0	6.0	6.5	6.2	
51	2123120182	Nguyễn Thành	Sang	02/07/2005	CCQ2312D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
52	2123120176	Lê Phát	Tài	14/02/2005	CCQ2312D	6.7	7.0	7.0	7.7	10.0	8.0	
53	2123120194	Phan Tấn	Thành	02/08/2004	CCQ2312D	6.7	7.0	7.5	8.7	9.0	8.1	
54	2123120115	Đoàn Nguyễn Xuân	Thao	19/10/2005	CCQ2312C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
55	2123120505	Phú Thị Thanh	Thảo	22/12/2005	CCQ2312D	8.7	7.4	7.5	5.7	9.0	7.6	
56	2123120191	Nguyễn Thị Anh	Thi	19/12/2005	CCQ2312D	8.0	7.2	7.5	8.7	7.0	7.7	
57	2123120109	Triệu Võ Anh	Thi	20/04/2005	CCQ2312C	6.0	6.6	7.5	8.7	9.0	7.9	
58	2123120179	Giảng Thị Anh	Thư	30/04/2005	CCQ2312D	7.3	8.0	7.5	9.3	9.0	8.5	
59	2123120119	Phan Hữu	Tình	25/10/2004	CCQ2312C	5.3	6.0	7.0	4.7	10.0	6.8	
60	2123120217	Trần Thị Ngọc	Trâm	23/11/2005	CCQ2312D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
61	2123120197	Trương Huỳnh Bảo	Trâm	02/10/2005	CCQ2312D	6.7	7.8	7.5	9.0	9.0	8.3	
62	2123120134	Nguyễn Hồ Bảo	Trần	19/02/2005	CCQ2312C	8.0	6.0	7.5	6.0	9.0	7.4	
63	2123120214	Lửa Nông Minh	Triều	07/01/2005	CCQ2312D	6.0	6.0	7.0	4.7	10.0	6.9	

64	2123120153	Nguyễn Văn	Trọng	19/07/2004	CCQ2312C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
65	2123120222	Trần Lâm Thanh	Trúc	10/11/2005	CCQ2312D	6.3	7.6	7.0	8.0	9.0	7.8	
66	2123120139	Nguyễn Thị Thanh	Tú	12/07/2004	CCQ2312C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
67	2123120203	Đình Hoàng	Tứ	01/03/2005	CCQ2312D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
68	2123120210	Võ Anh	Tuấn	07/02/2005	CCQ2312D	6.0	5.8	7.5	8.7	7.0	7.2	
69	2123120183	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	01/03/2005	CCQ2312D	6.7	6.0	7.0	7.0	6.5	6.7	
70	2123120122	Huỳnh Ngọc Thảo	Vi	01/01/2005	CCQ2312C	8.4	5.6	7.0	9.3	6.5	7.5	
71	2123120211	Nguyễn Vũ Ái	Vi	01/01/2005	CCQ2312D	6.0	5.8	7.0	8.0	9.0	7.5	
72	2123120121	Ngô Quang	Vũ	23/01/2004	CCQ2312C	6.0	5.8	7.5	6.3	8.0	6.8	
73	2123120143	Võ Thị Ánh	Vy	17/03/2005	CCQ2312C	7.3	5.2	7.0	9.7	9.0	8.1	
74	2123120159	Nguyễn Thị Phi	Yến	24/05/2005	CCQ2312C	8.0	7.4	7.5	9.0	9.0	8.4	

Tp. HCM, ngày 17 tháng 3 năm 2024

Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: II - Năm học: 2023 - 2024

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Lớp CCQ2312C ;D
CBGD: Nguyễn Thanh Hà

Số tín chỉ: 05

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/Học phần
1	2123120199	Hồ Tuyết	Anh	26/03/2005	CCQ2312D	6.6	7.4	7.1
2	2123120110	Phạm Thị Kim	Chi	16/07/2005	CCQ2312C	7.3	7.2	7.2
3	2122200222	Trần Hà Khánh	Chi	17/02/2004	CCQ2220G	7.9	6.8	7.3
4	2123120163	Trần Hữu	Đức	28/06/2005	CCQ2312C	7.7	6.8	7.1
5	2123120209	Lê Hoàng	Dương	07/03/2005	CCQ2312D	7.4	6.4	6.8
6	2123120525	Trần Ngọc	Đương	10/07/2005	CCQ2312C	7.6	6.4	6.9
7	2123120124	Trương Thị	Duy	25/09/2005	CCQ2312C	8.1	7.4	7.7
8	2123120168	Đặng Thị Thu	Hà	10/11/2005	CCQ2312C	8.2	7.4	7.7
9	2123120141	Đào Thị Ngọc	Hà	27/12/2005	CCQ2312C	8.3	6.0	6.9
10	2123120126	Nguyễn Kiều	Hân	28/07/2000	CCQ2312C	8.1	6.0	6.8
11	2123120129	Trần Phạm Gia	Hân	06/10/2005	CCQ2312C	8.0	7.2	7.5
12	2123120206	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh	25/05/2005	CCQ2312D	8.1	7.6	7.8
13	2123120170	Phạm Trí	Hào	16/10/2005	CCQ2312C	8.6	7.0	7.7

14	2123120213	Phan Thị Thúy	Hậu	20/07/2005	CCQ2312D	6.9	6.8	6.8
15	2123120193	Bùi Thị	Hồng	21/02/2005	CCQ2312D	7.0	7.0	7.0
16	2123120503	Trương Ngọc	Hùng	22/07/2004	CCQ2312D	0.0	0.0	0.0
17	2123120120	Lê Chí	Khan	10/11/2005	CCQ2312C	7.3	7.4	7.4
18	2123120148	Nguyễn Ngọc Đoan	Khanh	29/06/2005	CCQ2312C	8.0	7.8	7.9
19	2123120133	Nguyễn Ngọc	Khánh	09/11/2005	CCQ2312C	0.0	0.0	0.0
20	2123120552	Nguyễn Trọng	Khoa	11/10/2004	CCQ2312D	6.8	7.8	7.4
21	2123120204	Dương Bội	Linh	18/09/2005	CCQ2312D	8.5	7.2	7.7
22	2121100149	Hồ Thị Phương	Linh	23/09/2002	CCQ2110E	7.4	7.4	7.4
23	2123120188	Nguyễn Quốc	Linh	21/10/2001	CCQ2312D	0.0	0.0	0.0
24	2123120162	Trương Thục	Linh	20/09/2005	CCQ2312C	7.4	7.4	7.4
25	2123120685	Đặng Thị	Lợi	26/06/2004	CCQ2312D	7.2	7.4	7.3
26	2123120138	Đỗ Tấn	Lượng	04/07/2005	CCQ2312C	8.5	7.2	7.7
27	2121240153	Bùi Nhật Mai	Ly	09/05/2003	CCQ2124F	8.2	6.6	7.2
28	2123120123	Mai Quang	Minh	14/06/2005	CCQ2312C	7.6	5.8	6.5
29	2123120105	Nguyễn Khánh	My	18/08/2005	CCQ2312C	8.2	6.8	7.4
30	2123120113	Trần Thị Diệu	My	23/02/2005	CCQ2312C	8.4	7.2	7.7
31	2123120180	Trần Thu	Ngân	13/08/2004	CCQ2312D	7.5	6.4	6.9
32	2123120116	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	20/04/2005	CCQ2312C	0.0	0.0	0.0
33	2123120172	Phạm Thị Kim	Ngọc	19/07/2005	CCQ2312C	7.8	6.0	6.7
34	2123120178	Lê Trí	Nguyễn	27/01/2004	CCQ2312D	7.2	7.4	7.3
35	2123120504	Phạm Hoài	Nhân	02/02/2005	CCQ2312D	0.0	0.0	0.0
36	2123120215	Bùi Hoàng Yến	Nhi	31/10/2005	CCQ2312D	7.1	6.4	6.7
37	2123120198	Chu Thị Yến	Nhi	08/03/2005	CCQ2312D	6.8	6.2	6.4
38	2123120156	Phạm Thị Yến	Nhi	10/01/2005	CCQ2312C	8.2	8.0	8.1
39	2123120104	Nguyễn Huỳnh	Như	24/10/2005	CCQ2312C	8.8	7.8	8.2
40	2122200237	Trần Thị Hồng	Nhung	24/04/2004	CCQ2220G	8.0	6.8	7.3
41	2121100174	Lê Thị Kim	Oanh	03/02/2002	CCQ2110E	0.0	0.0	0.0
42	2123120108	Nguyễn Thị Kim	Oanh	26/01/2001	CCQ2312C	8.1	7.6	7.8
43	2123120208	Huỳnh Văn	Phát	19/01/2005	CCQ2312D	7.5	6.6	7.0
44	2123120151	Vũ Văn	Phát	28/09/2005	CCQ2312C	7.8	5.8	6.6
45	2123120155	Nguyễn Hoàng	Phúc	07/10/2005	CCQ2312C	8.1	7.2	7.6
46	2123120195	Phạm Hoàng	Phúc	22/01/2005	CCQ2312D	8.4	7.8	8.0
47	2123120181	Phan Nguyễn Hoài	Phương	01/08/2005	CCQ2312D	7.8	6.8	7.2
48	2123120201	Nguyễn Thị Kim	Phượng	19/04/2005	CCQ2312D	7.5	6.2	6.7
49	2123120220	Vũ Thị Ngọc	Quế	09/03/2002	CCQ2312D	6.5	7.6	7.2
50	2123120218	Nguyễn Thu	Quỳnh	25/09/2005	CCQ2312D	6.2	6.2	6.2
51	2123120182	Nguyễn Thành	Sang	02/07/2005	CCQ2312D	0.0	0.0	0.0

52	2123120176	Lê Phát	Tài	14/02/2005	CCQ2312D	8.0	6.4	7.0
53	2123120194	Phan Tấn	Thành	02/08/2004	CCQ2312D	8.1	7.6	7.8
54	2123120115	Đoàn Nguyễn Xuân	Thao	19/10/2005	CCQ2312C	0.0	0.0	0.0
55	2123120505	Phú Thị Thanh	Thảo	22/12/2005	CCQ2312D	7.6	7.2	7.3
56	2123120191	Nguyễn Thị Ánh	Thi	19/12/2005	CCQ2312D	7.7	7.8	7.8
57	2123120109	Triệu Võ Anh	Thi	20/04/2005	CCQ2312C	7.9	7.6	7.7
58	2123120179	Giảng Thị Anh	Thư	30/04/2005	CCQ2312D	8.5	7.4	7.8
59	2123120119	Phan Hữu	Tình	25/10/2004	CCQ2312C	6.8	7.2	7.0
60	2123120217	Trần Thị Ngọc	Trâm	23/11/2005	CCQ2312D	0.0	0.0	0.0
61	2123120197	Trương Huỳnh Bảo	Trâm	02/10/2005	CCQ2312D	8.3	7.4	7.8
62	2123120134	Nguyễn Hồ Bảo	Trân	19/02/2005	CCQ2312C	7.4	6.4	6.8
63	2123120214	Lửa Nông Minh	Triều	07/01/2005	CCQ2312D	6.9	7.2	7.1
64	2123120153	Nguyễn Văn	Trọng	19/07/2004	CCQ2312C	0.0	0.0	0.0
65	2123120222	Trần Lâm Thanh	Trúc	10/11/2005	CCQ2312D	7.8	7.0	7.3
66	2123120139	Nguyễn Thị Thanh	Tú	12/07/2004	CCQ2312C	0.0	0.0	0.0
67	2123120203	Đinh Hoàng	Tứ	01/03/2005	CCQ2312D	0.0	0.0	0.0
68	2123120210	Võ Anh	Tuấn	07/02/2005	CCQ2312D	7.2	7.4	7.3
69	2123120183	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	01/03/2005	CCQ2312D	6.7	6.0	6.3
70	2123120122	Huỳnh Ngọc Thảo	Vì	01/01/2005	CCQ2312C	7.5	6.2	6.7
71	2123120211	Nguyễn Vũ Ái	Vì	01/01/2005	CCQ2312D	7.5	5.4	6.3
72	2123120121	Ngô Quang	Vũ	23/01/2004	CCQ2312C	6.8	7.4	7.2
73	2123120143	Võ Thị Ánh	Vy	17/03/2005	CCQ2312C	8.1	7.0	7.5
74	2123120159	Nguyễn Thị Phi	Yến	24/05/2005	CCQ2312C	8.4	7.8	8.0

Tp. HCM, ngày 17 tháng 3 năm 2024

Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà